

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 17 - 9 - 2020
V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thị Gấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hà Minh Hằng**

2. Bà **Trần Thị Mộng Lành**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt -Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/9/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thúy A, sinh năm 1995 (Có mặt);

Nơi ĐKKHKT: Ấp H, xã N Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang

Chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã T, huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Hồ Minh K, sinh năm 1992 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã N Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Trần Thị Thúy A trình bày như sau:

Chị A và anh Hồ Minh K chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang ngày 12/8/2013.

Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K nghiện ma túy, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã hàn gắn nhưng không được, ly thân cuối năm 2019 đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Chị A yêu cầu ly hôn với anh Hồ Minh K.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Minh K1, sinh ngày 02/11/2014, chị A yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị A xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị A xác định vợ chồng không có nợ ai và không có ai nợ lại vợ chồng.

Ngoài ra không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Hồ Minh K trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị A về thời gian chung sống, làm đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, mâu thuẫn gia đình là do bất đồng quan điểm, hay cự cãi, không hợp nhau, vợ chồng sống ly thân từ ngày 25/12/2019 đến nay.

Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì tôi có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Thúy A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Minh K1, sinh ngày 02/11/2014, nếu ly hôn anh K yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Anh K xác định vợ chồng không có nợ ai và không có ai nợ lại vợ chồng.

Tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (Bản sao); 01 giấy khai sinh (Bản sao); giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (Bản trích lục); đơn xác nhận tình trạng nơi cư trú của bị đơn; biên bản xác minh chính quyền địa phương.

Theo kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cho biết: Về quan hệ hôn nhân chị A và anh K có mâu thuẫn là đời sống chung vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất hòa, vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian dài, anh K có bệnh về mắt (bệnh về giác mạc mắt bẩm sinh) đi lại khó khăn. Vợ chồng có 01 người con chung tên Hồ Minh K1, sinh ngày 02/11/2014, hiện đang sống chung với chị A.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị A giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày. Anh K vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định. Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, xử cho chị A được ly hôn với anh K; giao cháu Hồ Minh K1, sinh ngày 02/11/2014 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ và người Kc nợ vợ chồng: Chị A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn anh K có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[3] Về nội dung vụ án: Chị A yêu cầu được ly hôn với anh K và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Xét yêu cầu ly hôn của chị A, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị A và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh, chị thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại Ủy ban nhân dân xã N Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang ngày 12/8/2013 nên hôn nhân giữa anh K và chị A là hợp pháp.

Qua lời trình bày của chị A tại phiên tòa và trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng của anh, chị đã thực sự trầm trọng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi nhiều lần do anh K bị nghiện ma túy nên chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh K không thay đổi được, từ đó làm cho gia đình không hạnh phúc và mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh chị đã tự ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay, trong quá trình giải quyết tại Tòa án mặc dù đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng anh K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không thể hiện ý chí hàn gắn trước yêu cầu xin ly hôn của chị A. Do đó căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị A được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị A và anh K xác định vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Minh K1, sinh ngày 02/11/2014, chị A và anh K đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu dưỡng nuôi con. Xét về K1 năng, điều kiện và hoàn cảnh của vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh K và chị A đều xác định vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay thì cháu K1 sống chung với chị A, trong suốt thời gian qua anh K không tới lui thăm nom, chăm sóc và phụ giúp vợ nuôi con, thời gian qua cháu K1 chung sống với mẹ, chị A đã tạo dựng cho con có cuộc sống sinh hoạt bình thường có nơi ăn chốn ở ổn định. Ngoài ra, anh K có bệnh về giác mạc mắt bẩm sinh dẫn đến việc thị lực giảm sút, đi lại khó khăn, không đảm bảo cho việc chăm sóc trực tiếp cháu K1, do đó nhằm đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất cho trẻ không bị gián đoạn bởi cuộc sống hiện tại nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Hồ Minh K1 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị A về việc không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Chị A và anh K xác định không có, không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị A có nghĩa vụ nộp tiền án phí theo quy định.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thúy A được ly hôn với anh Hồ Minh K.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Minh K1, sinh ngày 02/11/2014 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị A về việc không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh K không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản, tuy nhiên anh K không được lạm dụng quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ và người Kc nợ vợ chồng: Chị A và anh K thống nhất xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Thúy A có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0008593 ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị A đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, chị A có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/9/2020), anh K vắng mặt có quyền kháng cáo kể ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- VKSND huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm